

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 30-03-2021

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Hải

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/03/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 12/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L

Địa chỉ: 131 Quốc lộ 1, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hoàng H, chức danh: giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: bà Huỳnh Thị Thanh T, chức vụ: Trưởng phòng nhân sự, theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2020 của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L, có mặt.

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 91A đường C, phường 3, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Cao S, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 287/10B Quốc lộ 1, phường 4, thành phố T, Long An, có mặt.

4/ Người làm chứng:

4.1: Bà Hà Thị Thanh N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 318 ấp B, xã B, thành phố T, Long An, có mặt.

4.2: Ông Phạm Tiến M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 306/14 Quốc lộ 62, phường 6, thành phố T, Long An, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020, các lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Ngày 10/10/2020, Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L (gọi tắt là Công ty 1989) có giao hai toa hàng sữa Abbott cho cửa hàng tạp hóa Lê D như sau:

+ Cửa hàng tạp hóa Lê D: 18.906.300đ (toa in từ hệ thống)

+ Cửa hàng tạp hóa Lê D: 23.100.000đ (do sale bà Hà Thị Thanh N ra toa tay).

Theo thường lệ khi nhân viên giao hàng của công ty giao hàng sữa Ensure nước xuống nếu cửa hàng không trả tiền thì cửa hàng ký nhận: ký tên và ghi rõ họ tên.

Đến ngày 19/10/2020, cửa hàng tạp hóa Lê D đã thanh toán số tiền 18.906.300đ cho nhân viên bán hàng Hà Thị Thanh N. Còn đối với toa hàng 23.100.000đ ngày 10/10/2020, cửa hàng tạp hóa Lê D không thanh toán.

Để xác định rõ công nợ, Công ty đã nhiều lần cử người xuống làm việc với bà D, yêu cầu bà D cung cấp chứng cứ đã trả số tiền 23.100.000đ cho công ty. Chữ ký và họ tên ghi dưới người nhận hàng trên hóa đơn bán lẻ ngày 10/10/2020, bà D trả lời là của ai đó không phải của bà nhưng bà không chứng minh.

Nay bà đại diện nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết: buộc bà Nguyễn Thị Lê D phải trả cho Công ty 1989 số tiền là 23.100.000đ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Lê D trình bày:

Ngày 10/10/2020, bà xác nhận có nhận hàng và nhận hóa đơn bán lẻ Ensure nước với số tiền 23.100.000đ, bà đã thanh toán ngay 23.100.000đ, vì hóa đơn bán lẻ (viết tay) nhân viên bán hàng không cho công nợ. Cùng ngày 10/10/2020 là công ty giao 02 (hai) hóa đơn, 01 hóa đơn in từ hệ thống thì công ty cho công nợ và 01 hóa đơn tay, hóa đơn tay thì phải trả tiền liền, bà không nhớ đã trả tiền cho ai. Khoảng ngày 11/11/2020 cô N nhân viên ghi toa hàng có đến hỏi bà sao chưa trả tiền, bà nói bà đã trả tiền rồi. Vì vậy, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Cao S trình bày:

Ông là nhân viên giao hàng của Công ty 1989. Vào ngày 10/10/2020, ông có giao hàng cho shop Lê D là 02 đơn hàng: 01 hóa đơn viết tay 30 thùng Ensure nước với số tiền 23.100.000đ, ông giao trực tiếp cho shop Lê D và bà D là người trực tiếp nhận hàng. Sau khi nhận hàng, bà D không trả tiền và bà D ký tên ghi họ tên vào đơn hàng, ông đã đưa hóa đơn về công ty và 01 hóa đơn in từ hệ thống ông cũng không có nhận tiền của bà D, còn việc bà D có trả tiền của hóa đơn in từ hệ thống cho công ty chưa thì ông không biết. Ông là người trực tiếp giao hàng và xác định chưa nhận tiền từ bà D.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp L (gọi tắt là công ty 1989) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Lê D - chủ cửa hàng tạp hoá Lê D trả cho công ty 23.100.100đ tiền sữa Ensure nước theo hoá đơn bán lẻ ngày 10/10/2020.

Bà Nguyễn Thị Lê D thừa nhận ngày 10/10/2020 có mua sữa của công ty 1989 với số tiền 23.100.000đ, bà đã trả đủ tiền cho nhân viên giao hàng của công ty ngay sau khi nhận số hàng này nên không đồng ý theo yêu cầu của công ty 1989.

Xét thấy, căn cứ vào Hoá đơn bán lẻ do công ty 1989 cung cấp thể hiện ngày 10/10/2020 công ty 1989 có giao cho bà Nguyễn Thị Lê D 30 thùng sữa Ensure nước với số tiền 23.100.000đ. Bà D đã ký tên và ghi họ tên vào mục người nhận hàng trên tờ hoá đơn bán lẻ này.

Bà Nguyễn Thị Lê D thừa nhận có mua số hàng hoá nêu trên của công ty 1989, bà đã thanh toán cho nhân viên giao hàng ngay sau khi nhận hàng vì đối với hoá đơn bán lẻ công ty không cho công nợ. Tuy nhiên, bà D không có chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D không thừa nhận chữ ký và chữ viết trên tờ hoá đơn bán lẻ ngày 10/10/2020 là của bà nhưng không yêu cầu giám định. Tại phiên tòa, bà D thừa nhận chữ ký và viết tên trên hoá đơn nêu trên là của bà. Bà D cho rằng đã trả tiền nhưng không nhớ đã trả tiền cho nhân viên nào của công ty, trên hoá đơn bán lẻ ngày 10/10/2020 không thể hiện nhân viên giao hàng của công ty 1989 đã nhận tiền của bà D, ông Nguyễn Cao S xác định ngày 10/10/2020 có giao số hàng hoá nêu trên cho bà D nhưng bà D chưa thanh toán tiền.

Từ những căn cứ nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp L, buộc bà Nguyễn Thị Lệ D trả cho công ty TNHH MTV Thương mại tổng hợp L số tiền 23.100.000đ, theo quy định tại Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí DSST: Buộc bà D chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1: Về thẩm quyền:

Công ty 1989 có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 23.100.000đ theo hóa đơn bán lẻ ngày 10/10/2020 đã ký nhận, làm phát sinh vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2: Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với người làm chứng: Ngày 29/03/2021 ông Phạm Tiến M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông M là phù hợp với Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1: Về số nợ:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 23.100.000đ theo hóa đơn bán lẻ ngày 10/10/2020 đã ký nhận, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà D thừa nhận bà là người trực tiếp ký tên trên hóa đơn bán lẻ ngày 10/10/2020 và nhận của Công ty 1989: 30 thùng Ensure nước thành tiền là 23.100.000đ. Trên hóa đơn bán lẻ của công ty 1989 cung cấp có chữ ký tên và họ tên Nguyễn Thị Lệ D, còn trên hóa đơn bán lẻ của bà D cung cấp không có ký tên và họ tên Nguyễn Thị Lệ D, bà D cho rằng hóa đơn tay công ty không cho công nợ và bà đã trả tiền rồi, nhưng bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đối với ông Phạm Tiến M là nhân viên giao hàng xác định ông không giao hàng và không nhận số tiền nào từ bà D. Còn ông Nguyễn Cao S là nhân viên giao hàng của công ty xác định có giao hàng nhưng không có nhận tiền của bà D, trên hóa đơn bán lẻ không có chữ ký và chữ viết của ông S thể hiện đã nhận đủ tiền. Bà Hà Thị Thanh N trình bày: bà chỉ viết hóa đơn tay và đưa về công ty, công ty cho người giao hàng và cũng không có nhận tiền của hóa đơn này. Ngoài ra bà D không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc có trả số tiền 23.100.000đ cho công ty 1989. Do

đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự 2015.

2.2: Về cách thức trả nợ: Để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn cần buộc bà D thanh toán số tiền 23.100.000đ cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu án phí do phải trả nợ theo quy định với mức thu là 1.155.000đ.

Công ty 1989 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 577.500đ (năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005090 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 229, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L số tiền 23.100.000đ (hai mươi ba triệu một trăm ngàn đồng).

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 1.155.000đ (một triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp L 1989 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 577.500đ (năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005090 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1: Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2: Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

